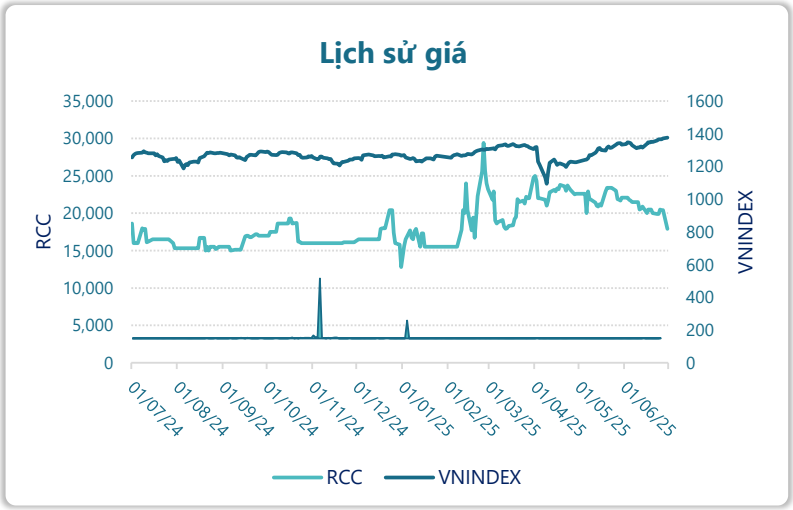
FireAnt

CTCP Tổng Công ty Công trình Đường sắt (UPCOM: RCC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,800
SL cổ phiếu LH	32,064,749
KLGD BQ 20 phiên (CP)	340
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	574
P/E	-18.0
EPS	-992

DT thuần

Q2/25

157

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 85.7| 121%

YoY: ▼42.0| -20.9%

LN sau thuế

Q2/25

-9.02

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.7| 58.5%

YoY: ▼11.3| -502%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-1.0%

+/- YoY: ▼ 6.0%

DT thuần

6T 2025

229

tỷ VNĐ

YoY: ▼85.0| -27.2%

LN sau thuế

6T 2025

-30.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.3| -1296%

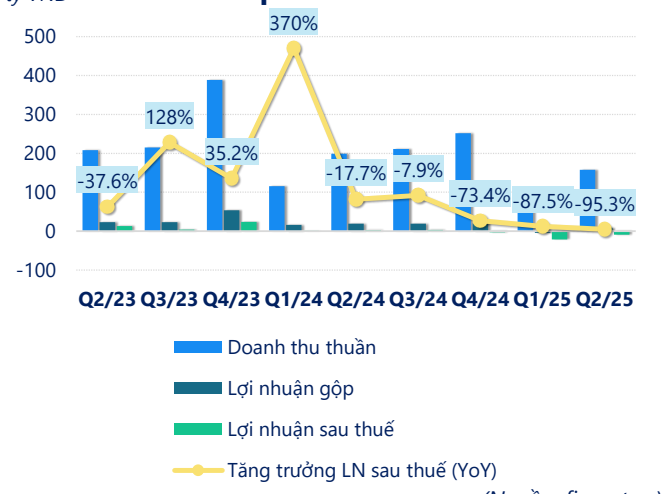
ROE

Q2/25

-8.1%

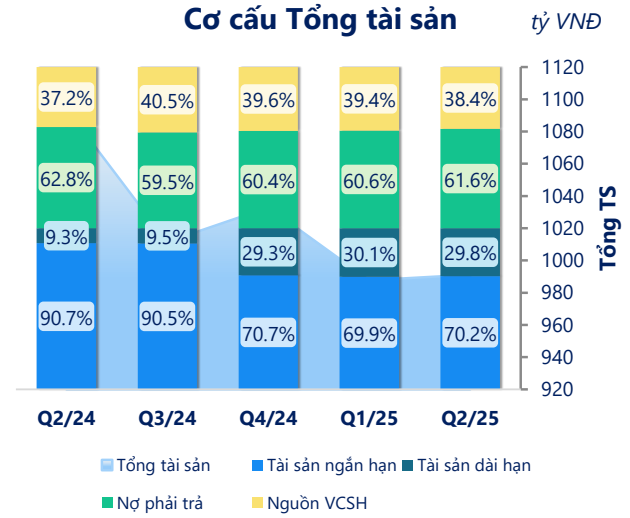
+/- YoY: ▼ 15.1%

Kết quả kinh doanh



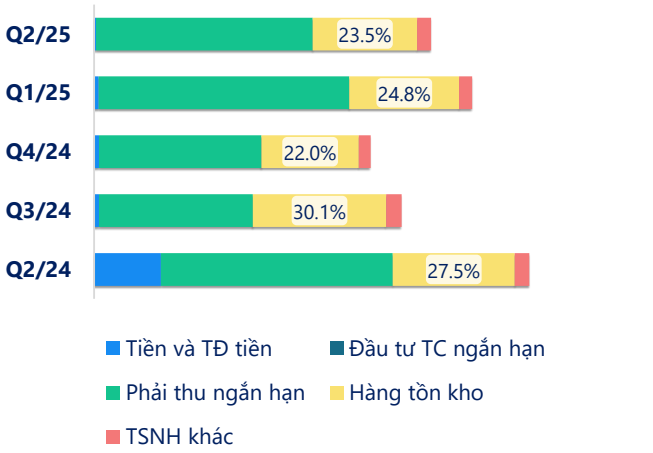
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



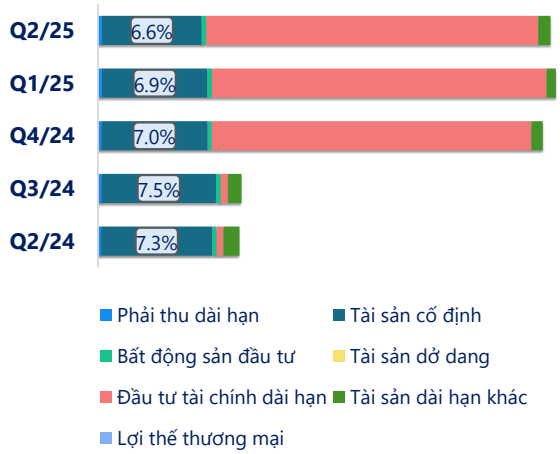
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



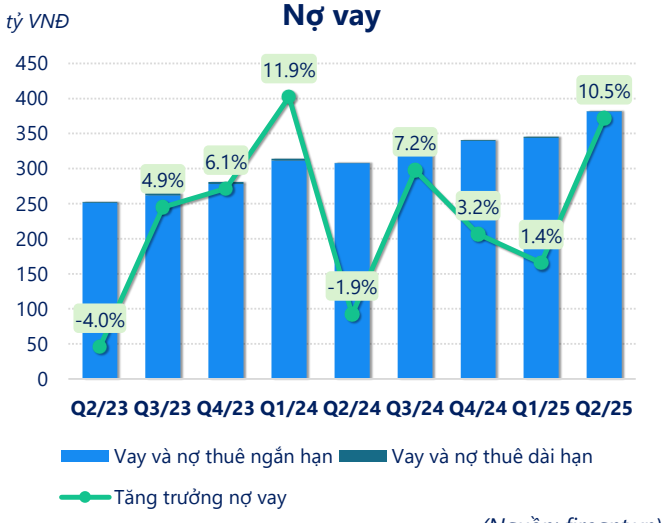
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



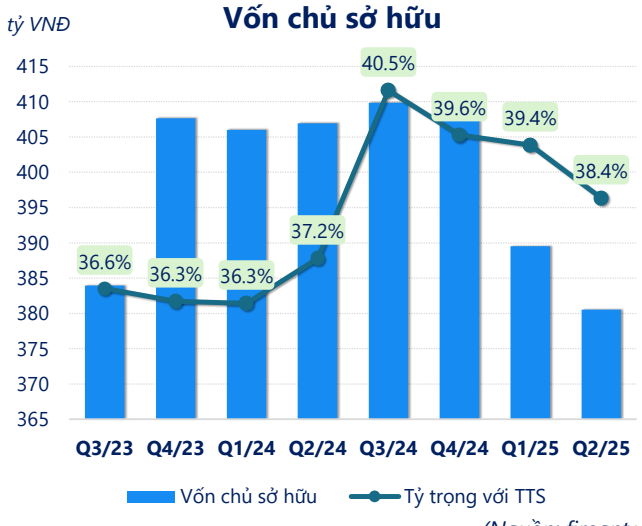
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



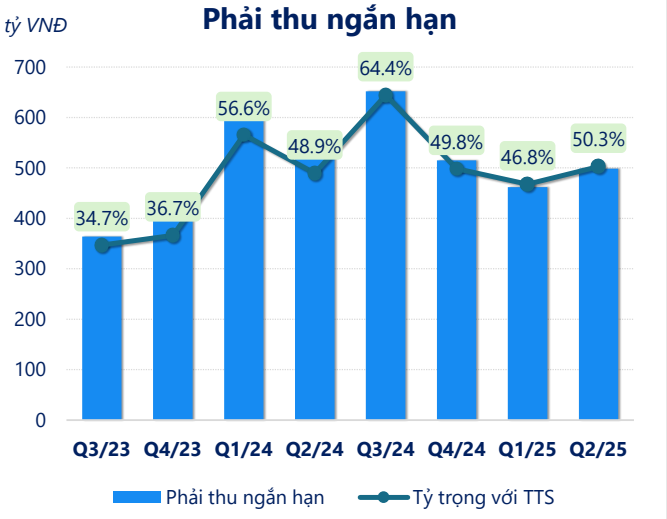
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



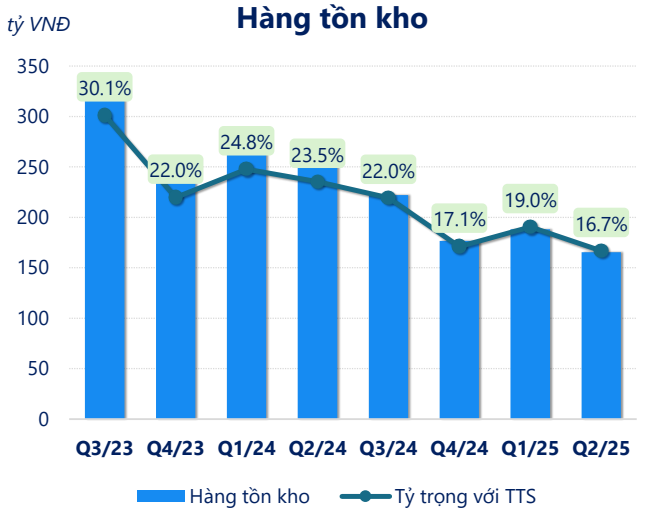
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



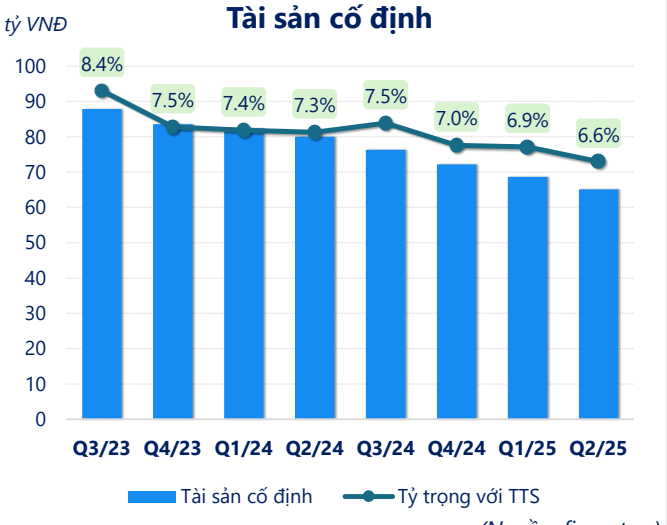
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



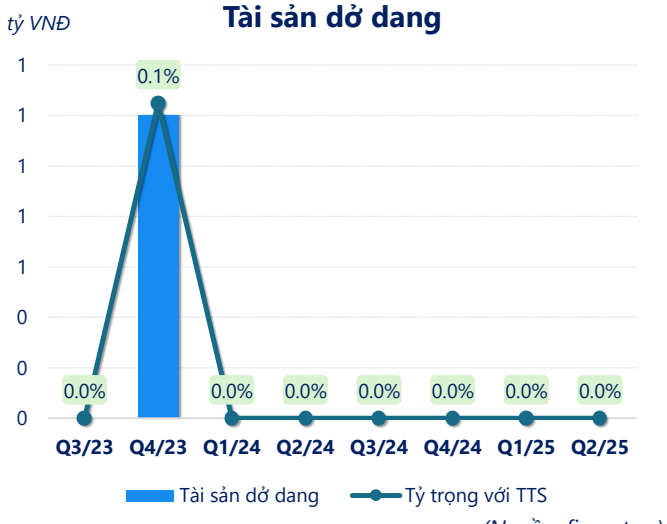
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



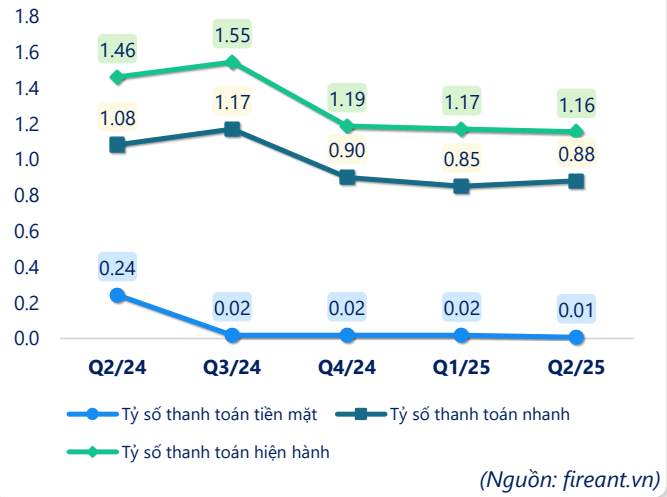
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



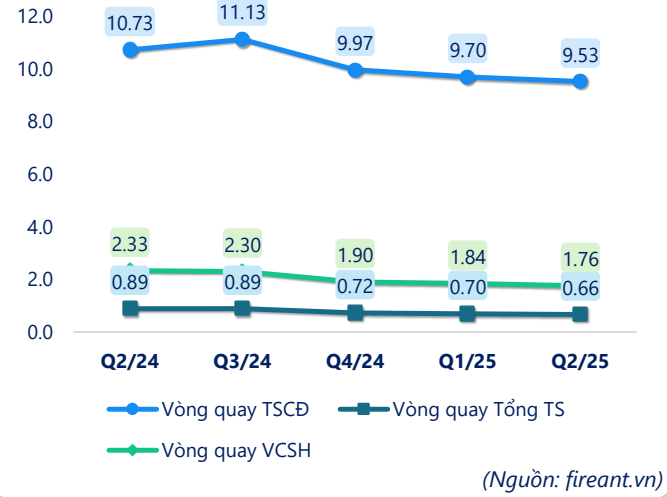
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,094**	**1,011**	**1,033**	**988**	**991**
Tài sản ngắn hạn	**992**	**916**	**731**	**690**	**696**
Tiền và tương đương tiền	165	11.2	11.6	10.5	4.30
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	535	652	515	462	498
Hàng tồn kho	258	222	177	188	165
Tài sản ngắn hạn khác	34.4	30.7	27.4	29.3	28.2
Tài sản dài hạn	**102**	**95.7**	**302**	**298**	**295**
Phải thu dài hạn	2.33	2.33	2.38	2.57	2.57
Tài sản cố định	80.0	76.3	72.1	68.6	65.1
Bất động sản đầu tư	3.04	3.02	2.99	2.97	2.95
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	4.85	4.85	217	218	217
Tài sản dài hạn khác	11.6	9.15	7.66	6.07	7.86
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**687**	**602**	**624**	**598**	**611**
Nợ ngắn hạn	**679**	**593**	**615**	**590**	**602**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	308	329	340	344	382
Phải trả người bán ngắn hạn	155	169	195	173	156
Nợ dài hạn	8.26	8.90	8.35	8.68	8.32
Vay và nợ thuê dài hạn	0.25	1.45	1.20	1.84	0.44
Nguồn vốn chủ sở hữu	**407**	**410**	**409**	**390**	**381**
Vốn chủ sở hữu	**407**	**410**	**409**	**390**	**381**
Vốn điều lệ	321	321	321	321	321
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)